



TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN
NATIONAL ECONOMICS UNIVERSITY

KIỆN NGHỊ
CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN
PHỤC HỒI TỔNG CẦU
THÚC ĐẨY TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ TRONG BỐI CẢNH MỚI

Hà Nội, 2023



TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN
NATIONAL ECONOMICS UNIVERSITY

KIẾN NGHỊ
CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN
PHỤC HỒI TỔNG CẦU
THỨC ĐẨY TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ TRONG BỐI CẢNH MỚI

Hà Nội, 2023

KIẾN NGHỊ
CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN
Phục hồi tổng cầu, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế
trong bối cảnh mới

Trường Đại học Kinh tế Quốc dân là một trường trọng điểm quốc gia, đã khẳng định được vị thế là một trung tâm nghiên cứu khoa học và tư vấn kinh tế, quản trị kinh doanh lớn và có uy tín hàng đầu của Việt Nam. Các hoạt động học thuật của Nhà trường đã có đóng góp lớn vào quá trình xây dựng chiến lược và chính sách phát triển kinh tế xã hội của đất nước cũng như nâng cao năng lực của các doanh nghiệp. Trường Đại học Kinh tế Quốc dân đã đặt mục tiêu phát triển trở thành trường đại học định hướng nghiên cứu, trường đại học đa ngành có uy tín, đạt chất lượng đẳng cấp khu vực và quốc tế.

Trong thời gian vừa qua, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân đã tập hợp các nhà khoa học hàng đầu thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu, tổ chức Hội thảo và chốt lọc thành các kiến nghị gửi đến Đảng, Chính phủ, Quốc hội và các Bộ Ban ngành Trung ương, với mong muốn

đóng góp vào quá trình phát triển chung của nền kinh tế, xứng đáng là địa chỉ tin cậy của Đảng và Chính phủ trong tư vấn xây dựng các chính sách phát triển kinh tế xã hội của đất nước.

Từ đầu năm 2023 đến nay, kinh tế thế giới vẫn gặp nhiều bất ổn xuất phát từ lạm phát toàn cầu vẫn ở mức cao, các Ngân hàng Trung ương tiếp tục theo đuổi chính sách tiền tệ thắt chặt và các yếu tố chính trị như căng thẳng chính trị giữa Nga – Ukraine. Trong bối cảnh đó, kinh tế Việt Nam cũng phải đối mặt với nhiều thách thức như áp lực kiểm soát lạm phát lớn, hoạt động đầu tư chưa đạt được như kỳ vọng, tăng trưởng tín dụng thấp, kim ngạch xuất nhập khẩu giảm mạnh so với cùng kỳ. Những thách thức nêu trên đã ảnh hưởng tiêu cực tới tất cả các thành phần của tổng cầu của nền kinh tế khiến mục tiêu tăng trưởng 6,5% năm 2023 khó có thể đạt được.

Tổng cầu đóng vai trò quan trọng trong xác định mức độ sản xuất và việc làm trong nền kinh tế. Tổng cầu giảm cho thấy nền kinh tế có nguy cơ suy thoái, điều này ảnh hưởng đến mức tăng trưởng chung của nền

kinh tế, gây ra các hậu quả như sản xuất công nghiệp sụt giảm, thất nghiệp tăng cao, giảm thu nhập và chi tiêu của người dân... Vì vậy, phục hồi tổng cầu là một nhiệm vụ quan trọng đối với nền kinh tế trong nửa cuối năm 2023. Dựa trên kết quả của Tọa đàm “Phục hồi tổng cầu nền kinh tế trong điều kiện mới” do Trường Đại học Kinh tế Quốc dân phối hợp cùng Vneconomy tổ chức, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân xin đề xuất một số kiến nghị sau:

Kiến nghị 1: Tiếp tục đẩy mạnh chính sách tài khóa chu kỳ nghịch nhằm đạt được sự tăng trưởng kinh tế ổn định

Hai quý đầu năm 2023, tình hình kinh tế-xã hội trong nước có nhiều diễn biến không thuận lợi. GDP 6 tháng đầu năm tăng trưởng 3,72%, mức tăng thấp so với GDP cùng kỳ trong giai đoạn 10 năm qua (chỉ cao hơn tốc độ tăng 1,74% cùng kỳ của năm 2020, do ảnh hưởng mạnh của COVID-19 thời điểm đó). Hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp gặp khó khăn, thị trường bị thu hẹp, đơn hàng sụt giảm đặc biệt tại các thị trường lớn như Hoa Kỳ, châu Âu và Trung Quốc. Trong đó, giải ngân đầu tư công còn chậm, chỉ tương đương 33%

kế hoạch năm. Trước tình hình khó khăn của nền kinh tế, Chính phủ có thể xem xét đẩy mạnh chính sách tài khóa nghịch chu kỳ nhằm thúc đẩy tổng cầu và đạt được tăng trưởng ổn định trong bối cảnh suy thoái, đặc biệt khi ngân sách không quá căng thẳng và nợ công có xu hướng giảm.

Tổng thu ngân sách Nhà nước lũy kế 6 tháng đầu năm đạt 875,8 nghìn tỷ đồng, bằng 54% so với dự toán năm, thặng dư hơn hơn 70 nghìn tỷ đồng. Một số khoản thu sắc thuế chính vẫn duy trì đà tăng trưởng ổn định khi thu từ ba khu vực kinh tế ước đạt 54,7%, tăng 2,8% so với cùng kỳ. Cụ thể, thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước đạt gần 98 nghìn tỷ đồng, tăng 10,9% so với cùng kỳ; thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (không kể dầu thô) đạt 119,4 nghìn tỷ đồng, tăng 0,8%; thu từ khu vực ngoài nhà nước tương đương cùng kỳ năm trước. Bên cạnh đó, tỷ lệ nợ công của Việt Nam trong những năm nay giảm dần, từ 61,4% GDP năm 2017 xuống 58,3% năm 2018, 55,9% năm 2020, 43,1% năm 2021 và 38% năm 2022. Như vậy, thặng dư ngân sách và tỷ lệ nợ công giảm là những cơ sở quan trọng để đẩy mạnh chính sách tài khóa nghịch chu kỳ.

Mục tiêu đạt được tăng trưởng ổn định của chính sách tài khóa nghịch chu kỳ được thực hiện qua hai công cụ: (1) Tăng chi tiêu công, (2) Giảm thuế. Chính phủ cần tháo gỡ các điểm nghẽn về thể chế chính sách để đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công nhằm mang lại hiệu quả kịp thời. Việc giảm thuế cần áp dụng đúng đối tượng, đơn giản hóa thủ tục hoàn thuế. Các quy định về thuế đối với từng nhóm đối tượng cần nhất quán, tránh mâu thuẫn như giảm thuế Giá trị gia tăng nhưng lại tăng thuế Tiêu thụ đặc biệt.

Kiến nghị 2: Tháo gỡ vướng mắc khi giải ngân vốn đầu tư công nhằm đẩy nhanh quá trình phục hồi kinh tế

Để đưa dòng vốn đầu tư công sớm chảy vào nền kinh tế, cần xác định rõ nguyên nhân và triển khai quyết liệt một số giải pháp. Cụ thể:

Thứ nhất, cần có các giải pháp sửa đổi, hoàn thiện quy định pháp luật theo hướng giảm vướng mắc trong tất cả các khâu quản lý dự án, từ chuẩn bị đến quy hoạch và thực hiện, như nghiên cứu thêm trường hợp chủ đầu tư có thể chủ động sử dụng một số khoản kinh phí hợp

pháp ngoài kế hoạch đầu tư công trung hạn (kể cả nguồn vốn chi thường xuyên) để lập dự án, chuẩn bị đầu tư trước thay vì phải đợi tổng hợp hay bổ sung vào kế hoạch đầu tư công trung hạn. Bên cạnh đó, cần bổ sung thêm các quy định về điều kiện phân bổ kế hoạch vốn hằng năm cho các nhiệm vụ chuẩn bị và quy hoạch nhằm tạo điều kiện cho chủ đầu tư tiếp cận được vốn cho nhiệm vụ chuẩn bị và chủ động lập các kế hoạch đầu tư.

Thứ hai, các dự án đầu tư xây dựng thường gắn với giải phóng mặt bằng. Để dự án được nhanh chóng thực hiện, cần giải quyết các vấn đề cốt lõi của khâu giải phóng mặt bằng như:

(1) Nguồn kinh phí bồi thường cấp chưa kịp thời so với nhu cầu nên ảnh hưởng đến tiến độ triển khai dự án; chính sách, pháp luật đất đai về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thường xuyên thay đổi, gây ra nhiều sự bất đồng ý kiến trong nhân dân;

(2) Nhiều dự án chưa có sẵn quỹ đất tái định cư, khi giải tỏa không chủ động được việc bố trí tái định cư và nhu cầu đất ở;

(3) Chính sách hỗ trợ người dân ổn định đời sống, chuyển đổi nghề nghiệp chủ yếu thực hiện bằng việc chi trả bằng tiền, chưa có giải pháp cụ thể để người dân ổn định sinh kế. Nhất là các hộ dân bị thu hồi đất nông nghiệp, giá bồi thường hiện chưa đủ để bù đắp cho những tổn thất gây ra;

(4) Công tác quản lý đất đai còn chưa chặt chẽ, chưa xử lý kiên quyết, kịp thời, dẫn đến tình trạng lấn chiếm đất, chuyển mục đích, chuyển nhượng, xây dựng trái phép, khi Nhà nước thu hồi đất không được bồi thường nên không chấp hành bàn giao mặt bằng.

Để giải quyết các vấn đề cốt lõi nêu trên, các cơ quan chức năng có thể thực hiện:

(1) Khi xây dựng bảng giá đất hàng năm, cần chú trọng đến khả năng năng lợi của từng khu vực, vị trí đất, nhất là đối với đất nông nghiệp, các vị trí thuận lợi kinh doanh để xác định mức bồi thường phù hợp với giá trị thực tế. Ngoài ra, cần xác định chính xác tổng mức đền bù của dự án, tránh trường hợp không đáp ứng đủ cầu;

(2) Khi xây dựng kế hoạch đầu tư cần xác định rõ quỹ đất tái định cư, phát triển hạ tầng và dịch vụ thiết yếu, đảm bảo chất lượng cuộc sống của người dân;

(3) Phối hợp với các trung tâm dịch vụ việc làm, lên hoạch định hướng, đào tạo nghề để người dân có công ăn việc làm ổn định thay vì chỉ chi trả bằng tiền. Công tác này đặc biệt quan trọng đối với hộ dân bị thu hồi đất nông nghiệp;

(4) Tăng cường công tác rà soát, quản lý việc sử dụng đất đai trên địa bàn. Đặc biệt, đối với những hộ sử dụng trái phép hoặc sai mục đích, có thể áp dụng biện pháp cưỡng chế khi không chấp hành bàn mặt bằng.

Kiến nghị 3: Cải thiện chính sách an sinh xã hội cho người nghèo hướng tới tăng trưởng bền vững và bao trùm

Diễn biến phức tạp của đại dịch COVID-19 thời gian qua đã làm cho thị trường lao động Việt Nam bị ảnh hưởng nặng nề. Tình trạng sụt giảm sản xuất của các doanh nghiệp dẫn đến hàng trăm nghìn người lao động bị giảm giờ làm, mất việc làm, nhất là tại các khu công nghiệp, gây ảnh hưởng tới đời sống và quyền được hưởng an sinh xã hội của người lao động. Trong tình hình khó khăn đó, mạng lưới an sinh xã hội và các chính sách hỗ trợ cho người lao động lại chưa được đảm bảo

tốt. Bên cạnh đó, tư duy quản lý về an sinh xã hội vẫn chưa theo kịp quá trình đổi mới đất nước. Tầng cuối cùng của hệ thống an sinh xã hội¹, cũng là chức năng chiến lược thứ 3 là những chính sách, chương trình khắc phục rủi ro (bao gồm các chính sách, chương trình về cứu trợ và trợ giúp xã hội) chưa được thực hiện tốt. Để cải thiện chính sách an sinh xã hội, cần triển khai quyết liệt một số giải pháp như:

Thứ nhất, phải đưa nhóm yếu thế vào trung tâm, trọng tâm của các chính sách an sinh xã hội. Để sự hỗ trợ đến được đúng nhóm đối tượng, các giải pháp có thể được thực thi, như:

- (1) Phát triển hệ thống bảo hiểm xã hội đồng bộ, đa dạng, chất lượng, kết hợp có hiệu quả giữa bảo hiểm mang tính chất xã hội và bảo hiểm mang tính chất dịch vụ thương mại, nhằm đáp ứng các nhu cầu khác nhau của người dân. Nhà nước có thể xem xét hỗ trợ Quỹ bảo hiểm xã hội tự nguyện để khuyến khích sự tham gia của nhóm lao động tự do, nông dân và các ngành nghề truyền thống.

¹ Về cấu trúc của hệ thống an sinh xã hội phải có tối thiểu 3 hợp phần cơ bản tương ứng với 3 chức năng chính của an sinh xã hội gồm: những chính sách, chương trình phòng ngừa rủi ro; những chính sách, chương trình giảm thiểu rủi ro; những chính sách, chương trình khắc phục rủi ro. Ba tầng của hệ thống tương ứng với 3 chức năng chiến lược của hệ thống an sinh xã hội.

(2) Ưu tiên đầu tư nguồn lực tài chính cho an sinh xã hội, ngoài nguồn ngân sách nhà nước, cần đẩy mạnh xã hội hóa dựa trên sự đóng góp, chia sẻ của cộng đồng, doanh nghiệp, khu vực tư nhân, để có thể giảm bớt gánh nặng bao cấp của nhà nước và hội nhập sâu hơn với quốc tế. Thúc đẩy sự phát triển của công nghiệp an sinh hay công nghệ an sinh như một giải pháp để phát triển hệ thống an sinh xã hội hiệu quả. Đồng thời khuyến khích tối đa các thành phần kinh tế, các loại hình doanh nghiệp phát triển mạnh sản xuất kinh doanh để tạo nhiều việc làm, đồng thời hỗ trợ người dân có việc làm, tăng thu nhập là giải pháp xoá đói giảm nghèo và bảo đảm an sinh xã hội tích cực, hiệu quả, bền vững.

Thứ hai, việc thực thi các chính sách hỗ trợ trực tiếp gặp rào cản lớn do chưa có cơ sở dữ liệu để quản lý thông tin về người được hưởng hỗ trợ, dẫn đến việc thủ tục đăng ký nhận hỗ trợ được thiết kế quá phức tạp, gây bất tiện cho người dân. Vì vậy, cần đẩy mạnh ứng dụng các công nghệ mới; chi trả, đóng nộp, thụ hưởng với sự hỗ trợ của các công cụ công nghệ thông tin, nghe

nhìn, internet trong các phần mềm quản lý dữ liệu và chia sẻ dữ liệu, tiến tới xây dựng mã số định danh an sinh xã hội duy nhất trong thực thi chính sách an sinh xã hội, tạo sự thống nhất và thuận lợi trong việc quản lý, tiếp cận phát triển, cũng như hỗ trợ các đối tượng cần thụ hưởng. Tăng cường nguồn lực tài chính đầu tư phục vụ cho quá trình chuyển đổi số hóa an sinh xã hội từ Trung ương đến địa phương, đặc biệt là cấp huyện, cấp xã.

Kiến nghị 4: Giảm thiểu rủi ro do điều tra phòng vệ thương mại hướng tới tăng trưởng xuất khẩu bền vững

Mặc dù WTO và các hiệp định thương mại tự do đều hướng tới mục tiêu dỡ bỏ các rào cản thương mại, nhưng thực tế vẫn cho phép các nước thành viên sử dụng một số công cụ chính sách thương mại để bảo vệ ngành sản xuất trong nước đối với hàng hóa nhập khẩu. Vì vậy, phòng vệ thương mại sẽ là công cụ để các quốc gia bảo vệ hàng hóa trong nước cũng như định hình thị trường, dẫn tới nguy cơ kiện phòng vệ thương mại đối với hàng hóa xuất khẩu Việt Nam ngày càng lớn.

Theo báo cáo của Cục Phòng vệ thương mại - Bộ Công Thương cho biết, đến hết tháng 6/2023, hàng xuất khẩu của Việt Nam phải đối mặt với 231 vụ việc phòng vệ thương mại do các nước khởi kiện; trong đó, đứng đầu là các vụ điều tra chống bán phá giá (128 vụ việc), tiếp đó là các vụ việc tự vệ (47 vụ việc), chống lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại (33 vụ việc) và chống trợ cấp (23 vụ việc). Như vậy, khi các vụ kiện phòng vệ thương mại chủ yếu do các quốc gia cho rằng hàng hóa Việt Nam đang được bán phá giá. Vì vậy, cần triển khai một số giải pháp nhằm giảm thiểu rủi ro do điều tra phòng vệ thương mại hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam:

Thứ nhất, cần đẩy mạnh công tác dự báo, cảnh báo sớm cho các doanh nghiệp những mặt hàng có thể gặp rủi ro bị tiến hành điều tra. Phương pháp điều tra ngoài theo dõi dựa trên các mặt hàng có khối lượng xuất khẩu tăng đột biến hoặc chiếm tỷ lệ cao trong cơ cấu xuất khẩu tới các thị trường cần tích cực theo dõi dòng chảy thương mại của từng mặt hàng trên thế giới, xây dựng mô hình dự báo chính xác hơn; đặc biệt các mặt hàng đang bị điều tra tại các quốc gia khác.

Thứ hai, cần thực hiện các giải pháp chứng minh hàng hóa Việt Nam không bán phá giá. Doanh nghiệp cần sử dụng nguyên vật liệu có nguồn gốc xuất từ các quốc gia nằm trong các hiệp định thương mại tự do Việt Nam đã ký kết. Đây là một trong những điều kiện cần có để minh chứng nguyên vật liệu được nhập khẩu từ thị trường ưu đãi, cùng với giá nhân công tương đối thấp, cấu thành mức giá xuất khẩu phù hợp, không có trợ cấp của Chính phủ. Bên cạnh đó, các doanh nghiệp cần tránh nhập khẩu nguyên vật liệu từ các quốc gia đang bị áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại. Vì vậy, Bộ Công Thương cần đẩy mạnh hơn nữa công tác trao đổi, chia sẻ với các doanh nghiệp nhằm giúp họ nắm được những nguyên tắc điều tra, thấy rõ được tầm quan trọng của doanh nghiệp. Ngoài ra, vai trò của các cơ quan Nhà nước quan trọng hơn nữa trong hỗ trợ doanh nghiệp hoàn thiện hồ sơ minh chứng, thiết lập quy trình thực hiện cụ thể, công khai để các doanh nghiệp nắm rõ hơn.

Thứ ba, cần cân bằng cán cân thương mại với các đối tác. Không chỉ kim ngạch xuất khẩu một mặt hàng cụ thể tăng đột biến là nguyên nhân xảy ra điều tra

phòng vệ thương mại, khi Việt Nam duy trì thặng dư thương mại quá lớn tới một số thị trường (tiêu biểu là Hoa Kỳ), các hàng hóa của Việt Nam có khả năng thuộc diện bị điều tra nhiều hơn. Các cuộc điều tra phòng vệ thương mại diễn ra nhiều hơn cho thấy xu hướng muốn cân bằng lại cán cân thương mại nhưng theo hướng bất lợi cho Việt Nam. Vì vậy, các giải pháp giúp cân bằng cán cân thương mại cần triển khai quyết liệt hơn nữa như triển khai nhiều hơn các chương trình giúp doanh nghiệp của các đối tác lớn tiếp cận được với doanh nghiệp trong nước. Cùng với đó, cần có thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi hơn, đặc biệt cần giảm thuế cho các mặt hàng máy móc, thiết bị từ các thị trường mà Việt Nam đang có thặng dư thương mại.

Kiến nghị 5: Phát triển du lịch hướng tới cân đối cán cân xuất-nhập khẩu dịch vụ

Những năm gần đây, cùng với sự gia tăng tỷ trọng của ngành dịch vụ trong cơ cấu GDP thì kim ngạch xuất khẩu dịch vụ của cả nước đã có sự gia tăng mạnh. Tuy nhiên, Việt Nam đã nhập siêu dịch vụ lớn và liên tục trong nhiều năm qua. Trong 3 năm gần đây, nhập siêu

dịch vụ luôn vượt con số 10 tỷ USD và riêng trong 6 tháng đầu năm 2023, nhập siêu dịch vụ lên tới 4,1 tỷ USD. Theo TS. Nguyễn Bích Lâm, nguyên Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê, nếu giảm 1% nhập siêu dịch vụ sẽ làm GDP tăng 0,36 điểm phần trăm, khẳng định xuất khẩu dịch vụ là nguồn thu lớn và mang lại nhiều tiềm năng kinh tế mới cho đất nước. Việt Nam mới chỉ chú trọng đến xuất nhập khẩu hàng hóa mà chưa thực sự quan tâm đến xuất-nhập khẩu dịch vụ mặc dù các ngành dịch vụ của Việt Nam như du lịch, tài chính, ngân hàng, vận tải và logistics, v.v. đều có tiềm năng phát triển rất lớn.

Vì vậy, điều cấp thiết hiện nay là thúc đẩy xuất khẩu dịch vụ hướng tới cân đối cán cân xuất-nhập khẩu dịch vụ một cách bền vững. Dựa trên các văn bản pháp luật về xuất nhập khẩu hàng hóa, cần khẩn trương nghiên cứu và rà soát các văn bản pháp luật, tạo các chiến lược và chương trình hành động nhằm cụ thể hóa mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp và các hành động để đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu các dịch vụ, phù hợp với lộ trình cam kết và các hiệp định song phương, đa phương nhằm hoàn thiện môi trường kinh doanh bình đẳng và an toàn

cho các tổ chức dịch vụ hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam; đồng thời khuyến khích các doanh nghiệp trong lĩnh vực dịch vụ đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và các chuẩn mực, thông lệ quốc tế phù hợp với điều kiện Việt Nam để nâng cao chất lượng và sức cạnh tranh của các dịch vụ xuất khẩu.

Bên cạnh đó, xuất khẩu dịch vụ hầu như phụ thuộc chủ yếu vào du lịch. Do đó, muốn giảm nhập siêu dịch vụ cần có nhiều chính sách nhằm tạo điều kiện thuận lợi nhằm thu hút khách du lịch nước ngoài đến Việt Nam, chẳng hạn như kết nối làm thị trường giữa hàng không và du lịch, kích cầu du lịch và giảm vé máy bay.

Từ kinh nghiệm của Thái Lan, để hạ giá vé, thu hút du lịch cần thúc đẩy hợp tác giữa 2 bên, tạo ra những chính sách ưu đãi. Doanh nghiệp khách sạn, nghỉ dưỡng hợp tác với các hãng hàng không để bán vé trọn gói vận chuyển, lưu trú, tham quan, mua sắm. Hãng không cũng cung cấp cho các công ty du lịch một lượng vé với giá bay thấp hơn giá vé khách đặt lẻ trực tiếp với hãng hàng không. Đồng thời, chính quyền các địa phương cũng cần có chính sách hỗ trợ và thúc đẩy hợp tác giữa công ty du lịch và hãng không nhằm kích cầu du lịch quốc tế.

Kiến nghị 6: Phát triển xuất khẩu bền vững đi liền với đa dạng hóa thị trường hướng đến cán cân thương mại lành mạnh, hợp lý với các đối tác

Thực tế cho thấy, Việt Nam đang phụ thuộc chủ yếu vào một số thị trường xuất khẩu lớn. Vì vậy, khi các quốc gia này rơi vào giai đoạn khủng hoảng, hoạt động xuất khẩu của Việt Nam đối mặt với những cú sốc lớn và bị gián đoạn. Mặt khác, các nhà sản xuất Việt Nam đang gặp nhiều thách thức khi sản phẩm chưa đáp ứng yêu cầu chuyển đổi năng lượng xanh – sạch, sản xuất cacbon thấp, vật liệu bền vững, sản xuất thân thiện môi trường... từ thị trường nhập khẩu. Chẳng hạn, với EU, ngoài các FTA thế hệ mới như EVFTA hay CPTPP, thị trường này tiếp tục đặt ra nhiều yêu cầu ngặt nghèo với hàng nhập khẩu. Từ hàng nông - thủy sản đến dệt may, giày dép, EU bổ sung các quy định mới bảo vệ sức khỏe người tiêu dùng, hay yêu cầu về sản xuất xanh, bền vững đối với môi trường.

Nhằm thúc đẩy xuất khẩu hàng hóa bền vững đi liền với đa dạng hóa thị trường hướng đến cán cân

thương mại lành mạnh, hợp lý với các đối tác, cần thực hiện một số giải pháp sau:

Thứ nhất, mở rộng giao thương với các thị trường trong các FTA đã ký kết. Thay vì chỉ tập trung sâu một số thị trường lớn, cần khai thác cơ hội từ các FTA để mở rộng thị trường tiêu thụ sang các nước thành viên khác. Tiêu biểu với FTA Việt Nam - EU (EVFTA), phần lớn doanh nghiệp Việt hiện chủ yếu giao thương với 5-6 nước trong 27 nước thành viên thuộc EU, bỏ qua tiềm năng từ hơn 20 quốc gia còn lại. Tương tự, việc khai thác các thị trường trong FTA thế hệ mới khác như Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) và RCEP (Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực) vẫn còn ché, doanh nghiệp chủ yếu tập trung vào thị trường lớn. Điều này cho thấy việc khai thác thị trường thông qua các FTA vẫn còn tiềm năng rất lớn.

Thứ hai, rà soát và ban hành tiêu chuẩn khung pháp lý về sản xuất xanh cho các doanh nghiệp Việt Nam. Gần đây, Bộ Công Thương đã xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và ban hành Quyết định số

493/QĐ-TTg ngày 19/4/2022 phê duyệt Chiến lược xuất nhập khẩu hàng hóa đến năm 2030 với mục tiêu phát triển xuất nhập khẩu bền vững, cơ cấu cân đối, hài hòa, phát huy lợi thế cạnh tranh, lợi thế so sánh, phát triển thương hiệu hàng hóa Việt Nam, nâng cao vị thế quốc gia trong chuỗi giá trị toàn cầu, là động lực của tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững. Tuy nhiên, Việt Nam hiện nay chưa có quy định chung về tiêu chí xanh trong sản xuất để làm căn cứ cho các doanh nghiệp xác định tiêu chuẩn sản xuất sản phẩm dịch vụ định hướng xuất khẩu. Vì vậy, cần tiến hành xây dựng và hoàn thiện hành lang pháp lý, bổ sung các tiêu chuẩn, tiêu chí xanh trong sản xuất để giúp các doanh nghiệp thuận lợi hơn trong định hướng chuyển đổi xanh của mình. Các bộ tiêu chí cần bổ sung bao gồm toàn diện các khía cạnh của sản xuất xanh như cải tiến quy trình sản xuất, sử dụng nguồn nguyên vật liệu tự nhiên, nhiên liệu, hóa chất không gây độc hại, tiết kiệm năng lượng điện, nước trong quá trình sản xuất, sử dụng năng lượng sạch, cũng như lắp đặt hệ thống quản lý chất lượng an toàn vệ sinh và hệ thống xử lý chất thải.

Thứ ba, khung pháp lý liên quan đến cấp tín dụng xanh, phát hành trái phiếu xanh cũng cần được sớm hoàn thiện để các doanh nghiệp dễ dàng tiếp cận được nguồn vốn và để các tổ chức tín dụng có thể thuận lợi hơn trong công tác cấp tín dụng xanh. Ngân hàng Nhà nước cần phối hợp với các bộ, ngành liên quan để:

- (i) Sớm ban hành quy định về quản lý rủi ro môi trường – xã hội trong hoạt động cấp tín dụng của các tổ chức tín dụng, trên cơ sở đó, có thể phát triển thêm quy định quản lý rủi ro do biến đổi khí hậu trong hoạt động ngân hàng;
- (ii) Xây dựng danh mục khuyến khích, hạn chế và cấm đầu tư tín dụng;
- (iii) Xây dựng danh mục các dự án xanh khuyến khích tổ chức tín dụng tập trung cấp tín dụng;
- (iv) Tăng cường các phối hợp chính sách liên ngành để phát huy hiệu quả của chính sách tín dụng xanh tại Việt Nam như phối hợp chính sách trong việc thúc đẩy phát triển các ngành/lĩnh vực xanh,...

(v) Xây dựng hệ thống quản lý rủi ro môi trường – xã hội trong hoạt động cấp tín dụng và quản lý rủi ro môi trường – xã hội của hệ thống ngân hàng để áp dụng nội bộ tại đơn vị; định hướng khuyến khích phát triển các sản phẩm tín dụng xanh. Để làm được điều này, các tổ chức tín dụng phải thẩm định khách hàng và nhu cầu vay, kiểm soát mục đích sử dụng vốn, quản lý rủi ro tín dụng trong cho vay được thực hiện một cách đầy đủ, chặt chẽ.

Thứ tư, cần bổ sung những chính sách, chương trình hỗ trợ phù hợp để khuyến khích các doanh nghiệp thực hiện các mô hình sản xuất xanh. Về mặt tài chính, các chương trình kích cầu đầu tư cho doanh nghiệp cần được đẩy mạnh nhằm giải quyết nhu cầu nguồn vốn, hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi sản xuất xanh và ứng dụng công nghệ cao. Ví dụ như các dự án khởi nghiệp, vườn ươm, nhà xưởng, máy móc chuyển giao công nghệ phù hợp với chuyển đổi sản xuất xanh, tiết kiệm năng lượng, giảm khí thải,... thì sẽ được hỗ trợ lãi suất vay. Về mặt kỹ thuật, các dịch vụ tư vấn kỹ thuật và giải pháp quản

lý sản xuất cho doanh nghiệp cần được xây dựng và khuyến khích. Các cơ quan quản lý nhà nước có thể xây dựng các công cụ để phân tích tác động môi trường của sản phẩm, đề xuất thiết bị tiết kiệm năng lượng và giúp triển khai các giải pháp năng lượng tái tạo, giảm thiểu chất thải và tối ưu hóa quy trình tái chế, đồng thời đề xuất các công nghệ kiểm soát ô nhiễm và đảm bảo tuân thủ các quy định về môi trường.

Kiến nghị 7: Cần có các chính sách giúp tháo gỡ vướng mắc cho doanh nghiệp trong quá trình tiếp cận vốn tín dụng

Một trong những khó khăn lớn nhất với các doanh nghiệp hiện nay, đặc biệt là các doanh nghiệp nhỏ và vừa, là tiếp cận nguồn vốn tín dụng do khó đáp ứng được đầy đủ các yêu cầu về điều kiện vay vốn. Nhằm giúp khơi thông dòng vốn tín dụng cho doanh nghiệp, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp vừa và nhỏ sớm phục hồi sản xuất kinh doanh, cần triển khai quyết liệt một số giải pháp như:

Thứ nhất, thực hiện hiệu quả các quy định về cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ tại các tổ chức tín dụng nhằm giúp doanh nghiệp giảm bớt áp lực về tỷ lệ nợ xấu và chi phí dự phòng rủi ro.

Ngày 23/4/2023, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) đã ban hành Thông tư số 02/2023/TT-NHNN quy định về việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng gặp khó khăn.

Để chính sách nói trên phát huy tác dụng tích cực, các bên liên quan đều phải tuân thủ nghiêm túc các quy định đặt ra trong Thông tư cũng như quy định của pháp luật về các vấn đề liên quan, đặc biệt là quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng và quy định về phân loại tài sản có, trích lập dự phòng rủi ro và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng.

Theo đó, các tổ chức tín dụng cần đánh giá một cách chính xác hiện trạng tài chính cũng như khả năng tạo lập nguồn thu để trả nợ của khách hàng theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại nếu khách hàng đáp ứng đủ

các quy định của NHNN, đồng thời cần trích lập đầy đủ dự phòng rủi ro đối với khách hàng có khoản nợ được cơ cấu lại để đảm bảo được nguồn lực tài chính phục vụ việc xử lý rủi ro đối với những khách hàng được cơ cấu lại nhưng không có khả năng trả nợ theo thời hạn được cơ cấu lại. Về phía Ngân hàng Nhà nước, cần giám sát chặt chẽ quá trình triển khai của các tổ chức tín dụng để phát hiện và có biện pháp chấn chỉnh kịp thời các trường hợp không thực hiện đúng quy định hoặc có biểu hiện trục lợi chính sách nhằm làm sạch sổ sách, báo cáo.

Thứ hai, cần phát triển các sản phẩm tín dụng đặc thù cho doanh nghiệp nhỏ và vừa nhằm giải quyết khó khăn về điều kiện vay vốn khi vay theo phương thức truyền thống. Phần lớn các doanh nghiệp SMEs hiện nay không tuân thủ chuẩn mực kế toán do thiếu hụt về nhiều nguồn lực, tồn tại tình trạng số liệu trong các sổ sách kế toán không khớp nhau,... Bên cạnh đó, doanh nghiệp SMEs thường có mô hình kinh doanh nhỏ lẻ, thiếu minh bạch giữa tài chính của cá nhân, chủ sở hữu và doanh nghiệp, báo cáo tài chính thường chưa được kiểm toán, nguồn vốn còn hạn chế, không có tài sản

đảm bảo khiến nhiều trường hợp khó đáp ứng được điều kiện vay vốn ngân hàng. Tuy nhiên, các ngân hàng cũng không thể hạ chuẩn vay do cần tuân theo các quy định pháp luật hay tiêu chuẩn Basel quốc tế. Vì vậy, cần có nhiều hơn nữa những giải pháp để giải quyết vướng mắc về điều kiện vay vốn đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Trong thời gian tới, các ngân hàng thương mại cần tích cực hơn nữa trong việc phát triển các sản phẩm tín dụng đặc thù cho SMEs như tài trợ chuỗi cung ứng, cho vay thấu chi doanh nghiệp, cho vay đầu tư tài sản cố định gián tiếp, cho vay mua, phân phối ô tô, các sản phẩm tín dụng ngành tiềm năng.

Để tháo gỡ khó khăn về tài sản đảm bảo, các ngân hàng có thể cân nhắc các giải pháp linh hoạt như cho phép thế chấp khoản phải thu, quyền đòi nợ hình thành trong tương lai từ hợp đồng thương mại, thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay để hỗ trợ doanh nghiệp. Các giải pháp cần phải đảm bảo tuân thủ pháp luật.

Trên đây là những kiến nghị cụ thể được chắt lọc và rút ra từ những những hoạt động nghiên cứu khoa học của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân. Hi vọng rằng các kiến nghị có thể góp phần hồi phục tổng cầu, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế trong bối cảnh mới.

KIẾN NGHỊ
CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN
PHỤC HỒI TỔNG CẦU
THỨC ĐẨY TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ TRONG BỐI CẢNH MỚI



TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN
NATIONAL ECONOMICS UNIVERSITY

Địa chỉ: 207 Đường Giải Phóng,
Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
Điện thoại: (84-24) 36280280
Fax: (84-24) 38695992
Cổng TTĐT: www.neu.edu.vn